

QUỐC HỘI

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Luật số: /2017/QH14

**DỰ THẢO 2**

## LUẬT

### ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRƯỚC KHI KHỞI KIẾN; THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BIỂN, TÀU BAY

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; thủ tục bắt giữ tàu biển, tàu bay.*

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; thẩm quyền, trình tự, thủ tục bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thi hành án dân sự, thực hiện tương trợ tư pháp; thẩm quyền, trình tự, thủ tục bắt giữ tàu bay tại cảng hàng không, sân bay để bảo đảm lợi ích của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay, để thi hành án dân sự; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thả tàu biển, tàu bay đang bị bắt giữ.

2. Luật này không áp dụng đối với tàu bay đã sẵn sàng cất cánh, tàu bay công vụ, trừ trường hợp tàu bay công vụ được dùng vào mục đích dân dụng.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện* là biện pháp do Tòa án áp dụng mà trong một thời hạn nhất định người yêu cầu áp dụng biện pháp đó không khởi kiện thì phải hủy bỏ việc áp dụng.

2. *Bắt giữ tàu biển* là việc không cho phép hoặc hạn chế di chuyển tàu biển bằng quyết định của Tòa án để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thi hành án dân sự và thực hiện tương trợ tư pháp.

3. *Bắt giữ tàu bay* là việc không cho phép tàu bay di chuyển khỏi cảng hàng không, sân bay bằng quyết định của Tòa án.

4. *Biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển* là biện pháp được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự quy định tại khoản 16 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự.
5. *Biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay* là biện pháp được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự quy định tại khoản 16 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự.
6. *Người có quyền, lợi ích đối với tàu bay* là chủ nợ, chủ sở hữu, người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại hoặc người khác có quyền, lợi ích đối với tàu bay.
7. *Người khác có quyền, lợi ích đối với tàu bay* là người cho thuê tàu bay, người khai thác tàu bay hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đối với tàu bay theo quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam nhưng không phải là chủ nợ, chủ sở hữu, người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại.
8. *Tàu bay đã sẵn sàng cất cánh* là tàu bay đã có lệnh được phép cất cánh của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.
9. *Tàu bay có yếu tố nước ngoài* là tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tàu bay thuộc sở hữu chung trong đó có ít nhất một chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tàu bay mang quốc tịch nước ngoài.

#### **Điều 4. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Kê biên tài sản đang tranh chấp.
2. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
3. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.
4. Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác.
5. Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ.
6. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.
7. Tạm dừng việc đóng thầu và các hoạt động có liên quan đến việc đấu thầu.
8. Thu giữ, niêm phong, cấm di chuyển hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá.
9. Bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải.
10. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay.

#### **Điều 5. Thẩm quyền của Tòa án**

##### ***Phương án 1:***

1. Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện là Tòa án nơi có tài sản bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

##### ***Phương án 2:***

1. Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.
2. Tòa án có quyền bắt giữ tàu biển để bảo đảm cho khiếu nại hàng hải kể cả trong trường hợp các bên trong hợp đồng đã thoả thuận lựa chọn Tòa án của một quốc gia khác hoặc lựa chọn

Trọng tài để giải quyết khiếu nại hàng hải đó hoặc thoả thuận lựa chọn pháp luật của một quốc gia khác để áp dụng cho hợp đồng đó.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) nơi có cảng biển, cảng thủy nội địa (sau đây gọi là cảng) mà tàu biển bị yêu cầu bắt giữ đang hoạt động hàng hải có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, thi hành án dân sự, thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài.

Trường hợp cảng có nhiều bến cảng thuộc địa phận các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có bến cảng mà tàu biển bị yêu cầu bắt giữ đang hoạt động hàng hải có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển đó.

4. Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, sân bay nơi có tàu bay bị yêu cầu bắt giữ hạ cánh có thẩm quyền bắt giữ tàu bay.

5. Tòa án nhân dân đang giải quyết vụ án dân sự, Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài thụ lý tranh chấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển, tàu bay.

6. Tranh chấp về thẩm quyền giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết.

**Tranh chấp về thẩm quyền giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau hoặc giữa các Tòa án nhân dân cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết.**

Tranh chấp về thẩm quyền giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau hoặc giữa các Tòa án nhân dân cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp cao khác nhau do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết.

## **Điều 6. Trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng**

1. Người có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình; trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Thiệt hại xảy ra do hậu quả của việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện khác với biện pháp mà cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu hoặc áp dụng vượt quá yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không có lý do chính đáng.

- b) Tòa án quyết định bắt giữ tàu biển, không bắt giữ tàu biển, thả tàu biển, không thả tàu biển không đúng với lý do yêu cầu bắt giữ, thả tàu biển hoặc không đúng tàu biển có yêu cầu bắt giữ;
- c) Tòa án quyết định bắt giữ tàu bay, không bắt giữ tàu bay, thả tàu bay, không thả tàu bay không đúng;

**Điều 7. Lệ phí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay**

1. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.
2. Lệ phí yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện bằng với lệ phí yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến trọng tài.
3. Lệ phí yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay được nộp cho Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay quy định tại Điều 5 của Luật này trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm Tòa án có yêu cầu nộp lệ phí.

**Điều 8. Biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay**

1. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay phải thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, 16, 20 Điều 34, điểm c và d khoản 1 Điều 61, khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 109 của Luật này theo một hoặc cả hai hình thức sau đây:

- a) Nộp cho Tòa án chứng từ bảo lãnh bằng tài sản của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác;
- b) Gửi một khoản tiền hoặc giấy tờ có giá theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính của Tòa án vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng nơi có trụ sở của Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không gắn với việc khởi kiện trong thời hạn chậm nhất là 48 giờ kể từ thời điểm nhận được quyết định đó.

Trường hợp thực hiện biện pháp bảo đảm vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì khoản tiền bảo đảm được gửi giữ tại Tòa án. Tòa án phải làm thủ tục giao nhận và gửi ngay khoản tiền đó vào ngân hàng vào ngày làm việc tiếp theo.

2. Giá trị bảo đảm tài chính do Tòa án ấn định tương đương với tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do hậu quả của việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng.

3. Khi quyết định thả tàu biển, tàu bay đang bị bắt giữ hoặc hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, Tòa án phải xem xét giải quyết biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án quyết định như sau:

- a) Giữ nguyên biện pháp bảo đảm tài chính nếu xét thấy yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng và giá trị bảo đảm tài chính có thể đủ hoặc chưa đủ để bồi thường thiệt hại;

b) Trả lại một phần giá trị bảo đảm tài chính cho người yêu cầu nếu xét thấy yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay không đúng và giá trị bảo đảm tài chính vượt quá trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại;

c) Trả lại toàn bộ giá trị bảo đảm tài chính nếu xét thấy yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay là đúng.

**Điều 9. Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay, đơn yêu cầu thả tàu bay, tàu biển bị bắt giữ, đơn yêu cầu hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay, đơn yêu cầu thả tàu bay, tàu biển bị bắt giữ, đơn yêu cầu hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, hợp pháp.

2. Trường hợp tài liệu, chứng cứ chứng minh bằng tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm theo bản dịch sang tiếng Việt và được chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với tài liệu, giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài lập, cấp, xác nhận theo pháp luật nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc được chuyển qua đường ngoại giao theo thông lệ quốc tế.

**Điều 10. Trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

Cục hàng hải Việt Nam, Cục hàng không Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân các thông tin cần thiết về tàu biển, tàu bay bị bắt giữ khi có yêu cầu làm căn cứ cho việc đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định bắt giữ tàu biển, tàu bay.

**Điều 11. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay**

Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay; thực hiện các quyền kiến nghị theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay kịp thời, đúng pháp luật.

**Chương II**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRƯỚC KHỞI KIẾN**

**Điều 12. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải ngăn chặn ngay hậu quả có thể xảy ra do việc thay đổi, hủy hoại hoặc tẩu tán tài sản đang tranh chấp và chưa thể làm đơn khởi kiện, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp; đồng thời phải nộp khoản tiền bảo đảm tương ứng với thiệt hại có thể gây ra cho bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### **Điều 13. Kê biên tài sản đang tranh chấp**

1. Kê biên tài sản đang tranh chấp được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản.
2. Tài sản bị kê biên có thể được thu giữ, bảo quản tại cơ quan thi hành án dân sự hoặc lập biên bản giao cho một bên đương sự hoặc người thứ ba quản lý cho đến khi có quyết định của Tòa án.

### **Điều 14. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp**

Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người đang chiếm hữu hoặc giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp cho người khác.

### **Điều 15. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp**

Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người đang chiếm hữu hoặc giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi tháo dỡ, lắp ghép, xây dựng thêm hoặc có hành vi khác làm thay đổi hiện trạng tài sản đó.

### **Điều 16. Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác**

Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác được áp dụng nếu có tài sản đang tranh chấp hoặc liên quan đến tranh chấp mà có hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác ở thời kỳ thu hoạch hoặc không thể bảo quản lâu dài được.

### **Điều 17. Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước**

Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước và việc áp dụng biện pháp này là cần thiết để bảo đảm cho việc khởi kiện, giải quyết vụ án hoặc thi hành án.

### **Điều 18. Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ**

Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản đang gửi giữ và việc áp dụng biện pháp này là cần thiết để bảo đảm cho việc khởi kiện, giải quyết vụ án hoặc thi hành án.

### **Điều 19. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ**

Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản và việc áp dụng biện pháp này là cần thiết để bảo đảm cho việc khởi kiện, giải quyết vụ án hoặc thi hành án.

### **Điều 20. Tạm dừng việc đóng thầu và các hoạt động có liên quan đến việc đấu thầu**

Tạm dừng việc đóng thầu, phê duyệt danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy việc áp dụng biện pháp này là cần thiết để bảo đảm cho việc khởi kiện và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Thu giữ, niêm phong, cấm di chuyển hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá**

Thu giữ, niêm phong, cấm di chuyển hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hóa được áp dụng nếu có căn cứ cho thấy hàng hóa có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 22. Bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

Việc bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải được thực hiện theo quy định tại mục 1 chương III của Luật này.

#### **Điều 23. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

Việc bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay được thực hiện theo quy định tại mục 1 chương IV của Luật này.

#### **24. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.
2. Nộp lệ phí yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và thực hiện bảo đảm tài chính cho yêu cầu của mình, trừ trường hợp miễn nộp lệ phí và không phải nộp bảo đảm tài chính theo quy định của pháp luật.
3. Bồi thường thiệt hại do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện không đúng.
4. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.
5. Khiếu nại quyết định của Tòa án theo quy định của Luật này.

#### **25. Quyền, nghĩa vụ của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
2. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Khiếu nại quyết định của Tòa án theo quy định của Luật này.
4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện không đúng.

#### **Điều 26. Căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện khi có đủ các căn cứ sau đây:

1. Có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hoặc Trọng tài giữa người yêu cầu và người bị yêu cầu hoặc có liên quan đến tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.
2. Do tình thế khẩn cấp, người yêu cầu chưa thể khởi kiện ngay ra Tòa án hoặc Trọng tài yêu cầu giải quyết tranh chấp.
3. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện đối với tài sản bị yêu cầu là cần thiết để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của người yêu cầu, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ ngay chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại

không thể khắc phục được, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra; bảo đảm cho việc giải quyết vụ án và thi hành án.

### **Điều 27. Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện tối đa là 30 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đối với ra quyết định bắt giữ tàu biển, tàu bay thì thời hạn bắt giữ tàu biển, tàu bay là 30 ngày kể từ ngày tàu biển, tàu bay bị bắt giữ.
2. Trong thời hạn thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện nếu người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khởi kiện vụ án tại Tòa án hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp và tiếp tục có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện chấm dứt khi Tòa án ra quyết định chuyển việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện thành biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

### **Điều 28. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo**

1. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Luật này.
2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn;
- b) Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;
- c) Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;
- d) Tóm tắt nội dung tranh chấp hoặc hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- đ) Lý do cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;
- e) Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện cần được áp dụng và các yêu cầu cụ thể.

Tùy theo yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện mà người yêu cầu phải cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện đó.

### **Điều 29. Xử lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án phải ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết đơn.
2. Trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Thụ lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện nếu xét thấy có căn cứ để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu của mình, trừ trường hợp không phải

thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính và nộp lệ phí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

b) Trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện nếu xét thấy không đủ điều kiện để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện hoặc việc giải quyết đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án đó.

Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu.

### **Điều 30. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Thẩm phán ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện ngay khi người yêu cầu xuất trình các biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, trừ trường hợp không phải nộp biện pháp bảo đảm tài chính và đã nộp lệ phí yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

d) Căn cứ vào đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

đ) Đặc điểm của tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

e) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

g) Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

h) Các quyết định khác của Tòa án có liên quan.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

### **Điều 31. Căn cứ huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Tòa án quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Người có nghĩa vụ thực hiện những biện pháp bảo đảm thay thế hoặc thanh toán đủ khoản nợ;

b) Nghĩa vụ về tài sản của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện đã có người khác bảo lãnh thực hiện thay hoặc có thư cam kết của tổ chức bảo hiểm có uy tín. Bộ Tài chính thông báo danh sách các tổ chức bảo hiểm có uy tín;

c) Theo yêu cầu của người đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

d) Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện theo quyết định của Tòa án đã hết.

2. Việc thực hiện biện pháp bảo đảm thay thế do các bên thoả thuận. Trường hợp không có sự thoả thuận giữa các bên về mức độ và hình thức bảo đảm thay thế thì Tòa án quyết định mức độ và hình thức bảo đảm thay thế, nhưng không được vượt quá giá trị tài sản là căn cứ cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

### **Điều 32. Yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 31 của Luật này, người đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và những người khác có liên quan có quyền yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện đối với tài sản đang bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

2. Người yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

3. Đơn yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

d) Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ việc áp dụng;

đ) Căn cứ yêu cầu Tòa án huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

### **Điều 33. Quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy có căn cứ thì Thẩm phán được phân công giải quyết đơn yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải xem xét và ra quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện. Trường hợp không chấp nhận thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện biết, trong đó nêu rõ lý do của việc không chấp nhận yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

3. Quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Căn cứ để Tòa án ra quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện;

d) Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện bị huỷ bỏ việc áp dụng;

đ) Quyết định về việc xử lý biện pháp bảo đảm tài chính.

4. Quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện có hiệu lực thi hành ngay, kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

### **Chương III**

#### **THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BIỂN**

##### **Mục 1. THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BIỂN, THẢ TÀU BIỂN ĐANG BỊ BẮT GIỮ VÀ BẮT GIỮ LẠI TÀU BIỂN ĐỂ BẢO ĐẢM GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI HÀNG HẢI**

##### **Điều 34. Khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền yêu cầu bắt giữ tàu biển**

Khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền yêu cầu bắt giữ tàu biển là khiếu nại về:

1. Tiền lương, chi phí hồi hương, chi phí đóng bảo hiểm xã hội và các khoản tiền khác phải trả cho thuyền trưởng, sỹ quan và các thuyền viên khác trong thuyền bộ của tàu biển;
2. Tiền bồi thường tính mạng, thương tích và tổn hại khác về sức khỏe con người liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển;
3. Phí trọng tải, phí bảo đảm hàng hải, phí hoa tiêu, phí cầu cảng, các loại phí, lệ phí cảng biển khác;
4. Tiền công cứu hộ tàu biển;
5. Tổn thất và thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng liên quan trực tiếp đến hoạt động của tàu biển; Tổn thất, thiệt hại liên quan đến hoạt động của tàu biển;
6. Thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại do tàu biển gây ra cho môi trường, bờ biển hoặc các lợi ích liên quan; các biện pháp được áp dụng để ngăn ngừa, hạn chế hoặc loại bỏ thiệt hại này; tiền bồi thường cho thiệt hại đó; chi phí cho các biện pháp hợp lý thực tế đã được áp dụng hoặc sẽ được áp dụng để khôi phục lại môi trường; tổn thất đã xảy ra hoặc có thể xảy ra đối với bên thứ ba liên quan đến thiệt hại đó; thiệt hại, chi phí hoặc tổn thất tương tự quy định tại khoản này;
7. Chi phí liên quan đến việc nâng, di chuyển, trục vớt, phá hủy hoặc làm vô hại xác tàu biển bị chìm đắm, mắc cạn hoặc bị từ bỏ, trong đó bao gồm bất kỳ đồ vật đang có hoặc đã có trên tàu biển và các chi phí hoặc phí tổn liên quan đến việc bảo quản tàu biển đã bị từ bỏ và chi phí cho thuyền viên của tàu biển;
8. Thỏa thuận liên quan đến việc sử dụng hoặc thuê tàu biển, mặc dù được quy định trong hợp đồng thuê tàu hay bằng hình thức khác;
9. Thỏa thuận liên quan đến vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách trên tàu biển, mặc dù có quy định trong hợp đồng thuê tàu hoặc bằng hình thức khác;
10. Tổn thất hoặc thiệt hại liên quan đến hàng hóa, bao gồm cả hành lý được vận chuyển trên tàu biển;
11. Tổn thất chung;

12. Lai dắt tàu biển;
13. Sử dụng hoa tiêu hàng hải;
14. Hàng hóa, vật liệu, thực phẩm, nhiên liệu, thiết bị (kể cả công-te-nơ) được cung ứng hoặc dịch vụ cung cấp cho mục đích hoạt động, quản lý, bảo quản và bảo dưỡng tàu biển;
15. Đóng mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa hoặc trang bị cho tàu biển;
16. Khoản tiền đã thanh toán thay cho tàu hoặc thay mặt chủ tàu;
17. Phí bảo hiểm do chủ tàu hoặc người nhân danh chủ tàu hoặc người thuê tàu trần trả;
18. Khoản hoa hồng, chi phí môi giới hoặc chi phí đại lý liên quan đến tàu biển mà chủ tàu, người thuê tàu trần hoặc người được ủy quyền phải trả;
19. Tranh chấp về quyền sở hữu, chiếm hữu tàu biển;
20. Tranh chấp giữa các đồng sở hữu tàu biển về sử dụng tàu biển hoặc khoản thu nhập được từ tàu biển;
21. Thế chấp, cầm cố hoặc một quyền khác có tính chất tương tự đối với tàu biển;
22. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán tàu biển.

### **Điều 35. Quyền yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

Người có khiếu nại hàng hải quy định tại Điều 34 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải.

### **Điều 36. Điều kiện bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Khi có yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải quy định tại Điều 34 của Luật này thì Tòa án quyết định bắt giữ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ tàu là người chịu trách nhiệm đối với khiếu nại hàng hải tại thời điểm phát sinh khiếu nại hàng hải và vẫn là chủ tàu tại thời điểm bắt giữ tàu biển;

b) Người thuê tàu trần là người chịu trách nhiệm đối với khiếu nại hàng hải tại thời điểm phát sinh khiếu nại hàng hải và vẫn là người thuê tàu trần hoặc là chủ tàu tại thời điểm bắt giữ tàu biển;

c) Khiếu nại hàng hải này trên cơ sở của việc thế chấp, cầm cố hoặc một quyền khác có tính chất tương tự tàu biển đó;

d) Khiếu nại hàng hải này liên quan đến quyền sở hữu hoặc chiếm hữu tàu biển đó;

đ) Khiếu nại hàng hải có liên quan đến bản thân chủ tàu, người thuê tàu trần, người quản lý hoặc khai thác tàu và khiếu nại hàng hải này được bảo đảm bằng một quyền cầm giữ hàng hải liên quan đến tàu biển đó.

2. Việc bắt giữ tàu biển cũng được tiến hành đối với một hoặc nhiều tàu biển khác thuộc quyền sở hữu của người phải chịu trách nhiệm đối với khiếu nại hàng hải và tại thời điểm khiếu nại hàng hải đó phát sinh mà người đó là:

a) Chủ sở hữu của tàu biển liên quan đến việc phát sinh khiếu nại hàng hải;

b) Người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn hoặc người thuê tàu chuyển của tàu biển liên quan đến việc phát sinh khiếu nại hàng hải.

3. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với khiếu nại hàng hải liên quan đến quyền sở hữu tàu biển.

### **Điều 37. Thời hạn bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Thời hạn bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải tối đa là 30 ngày kể từ ngày tàu biển bị bắt giữ.

2. Trong thời hạn tàu biển bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải nếu người yêu cầu bắt giữ tàu biển khởi kiện vụ án tại Tòa án hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp và tiếp tục có yêu cầu bắt giữ tàu biển thì thời hạn bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải chấm dứt khi Tòa án có quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển.

### **Điều 38. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Người yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải phải làm đơn yêu cầu.

2. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển;

d) Tên, quốc tịch, số chứng minh tàu biển theo quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế (số IMO), trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;

đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu hoặc người khai thác tàu, trong trường hợp yêu cầu người thuê tàu, người khai thác tàu trả tiền;

h) Khiếu nại hàng hải cụ thể làm phát sinh quyền yêu cầu bắt giữ tàu biển và giá trị tối đa của khiếu nại hàng hải đó;

i) Dự kiến tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do yêu cầu bắt giữ tàu biển.

3. Trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu biển không biết chính xác đầy đủ các nội dung quy định tại các điểm đ, e và g khoản 2 Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

### **Điều 39. Gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải và các tài liệu, chứng cứ kèm theo**

Người yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này.

#### **Điều 40. Nhận đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án phải ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết đơn.

#### **Điều 41. Xem xét đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

a) Thụ lý đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải nếu xét thấy có đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu biển, yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu biển và lệ phí bắt giữ tàu biển;

b) Trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải nếu xét thấy không đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu biển hoặc việc giải quyết đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án đó.

2. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu.

#### **Điều 42. Quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Thẩm phán ra ngay quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải khi người yêu cầu bắt giữ tàu biển xuất trình các biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu biển, trừ trường hợp không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính và đã nộp lệ phí bắt giữ tàu biển theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Luật này.

2. Quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển;

d) Khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền yêu cầu Tòa án bắt giữ tàu biển;

đ) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

h) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu trần, người khai thác tàu;

i) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

k) Các quyết định của Tòa án

3. Quyết định bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này .

### **Điều 43. Căn cứ thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải sẽ được thả ngay khi có một trong các căn cứ sau đây:

- a) Sau khi chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu thực hiện những biện pháp bảo đảm thay thế hoặc thanh toán đủ khoản nợ;
- b) Nghĩa vụ về tài sản của chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu đã có người khác bảo lãnh thực hiện thay hoặc có thư cam kết của tổ chức bảo hiểm có uy tín. Bộ Tài chính thông báo danh sách các tổ chức bảo hiểm có uy tín;
- c) Theo yêu cầu của chính người đã yêu cầu bắt giữ tàu biển;
- d) Quyết định bắt giữ tàu biển đã bị hủy;
- đ) Thời hạn bắt giữ tàu biển theo quyết định của Tòa án đã hết.

2. Biện pháp bảo đảm thay thế do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp không có sự thỏa thuận giữa các bên về mức độ và hình thức bảo đảm thay thế thì Tòa án quyết định mức độ và hình thức bảo đảm thay thế, nhưng không được vượt quá giá trị tàu biển bị bắt giữ hoặc nghĩa vụ tài sản là căn cứ cho việc bắt giữ tàu biển trong trường hợp nghĩa vụ tài sản nhỏ hơn giá trị của tàu biển.

### **Điều 44. Yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Pháp lệnh này, chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng, người đã yêu cầu bắt giữ tàu biển và những người khác có liên quan có quyền yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ.

2. Đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
- b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
- c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;
- đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định bắt giữ tàu biển và Tòa án đã ra quyết định đó;
- e) Lý do yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- g) Cam đoan của người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ.

### **Điều 45. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định bắt giữ tàu biển đó.

2. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết việc thả tàu biển.

#### ***Phương án 1:***

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán được phân công giải quyết việc thả tàu biển phải xem xét và ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải nếu thấy có căn cứ quy định Điều 43 của Luật này.
- b) Trả lại đơn yêu cầu nếu xét thấy không có căn cứ để thả tàu biển đang bị bắt giữ.

**Phương án 2:**

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy có căn cứ thì Thẩm phán phải ra quyết định thả tàu biển; trường hợp trả lại đơn thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết và nêu rõ lý do.

**Điều 46. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ, bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;
- đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
- e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu hoặc người khai thác tàu;
- g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;
- h) Lý do để thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- i) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải có hiệu lực thi hành ngay và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

**Điều 47. Bắt giữ lại tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải**

1. Tàu biển bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải đã được thả hoặc đã có biện pháp bảo đảm thay thế được thực hiện đối với khiếu nại hàng hải thì không thể bị bắt giữ lại trên cơ sở cùng một khiếu nại hàng hải đó, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Tổng giá trị bảo đảm thay thế đã nộp vẫn chưa đủ để thực hiện nghĩa vụ về tài sản nếu tổng giá trị bảo đảm đó nhỏ hơn giá trị của tàu biển được thả;
- b) Người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài sản thay cho chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu không thực hiện hoặc không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài sản đã bảo lãnh;
- c) Việc thả tàu hoặc việc hủy biện pháp bảo đảm thay thế đã được thực hiện theo yêu cầu của người yêu cầu bắt giữ tàu biển trên cơ sở những lý do chính đáng;

d) Người yêu cầu bắt giữ tàu biển không thể ngăn cản được việc thả tàu hoặc việc hủy biện pháp bảo đảm đó mặc dù đã áp dụng những biện pháp cần thiết.

2. Không coi là tàu biển được thả nếu việc thả tàu biển không có quyết định thả tàu biển của Tòa án có thẩm quyền hoặc tàu biển trốn thoát khỏi nơi bắt giữ, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 36 của Luật này.

3. Thủ tục bắt giữ lại tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải được thực hiện theo thủ tục bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải quy định tại Chương này.

## **Mục II. THỦ TỤC ÁP DỤNG, HỦY BỎ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI BẮT GIỮ TÀU BIỂN**

### **Điều 48. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Tòa án đang giải quyết vụ án đó áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được hoặc bảo đảm việc thi hành án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này.

### **Điều 49. Điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

Khi có yêu cầu bắt giữ tàu biển theo quy định tại Điều 58 của Luật này, Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

1. Tàu biển đang bị bắt giữ để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải mà người yêu cầu bắt giữ tàu biển đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án;
2. Chủ tàu là người có nghĩa vụ về tài sản trong vụ án đang được giải quyết và vẫn là chủ tàu tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
3. Người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyển hoặc người khai thác tàu là người có nghĩa vụ về tài sản trong vụ án dân sự phát sinh từ khiếu nại hàng hải quy định tại Điều 34 của Luật này và vẫn là người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyển, người khai thác tàu hoặc là chủ tàu tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
4. Tranh chấp đang được giải quyết trong vụ án phát sinh trên cơ sở của việc thế chấp tàu biển đó;
5. Tranh chấp đang được giải quyết trong vụ án liên quan đến quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu tàu biển đó.

### **Điều 50. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển phải làm đơn yêu cầu.
2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển có các nội dung chính sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
  - b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
  - c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển;

- d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;
- đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;
- e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
- g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu, người khai thác tàu trong trường hợp đòi người thuê tàu, người khai thác tàu trả tiền;
- h) Tranh chấp cụ thể đang giải quyết trong vụ án và giá trị tối đa của tranh chấp đó;
- i) Lý do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
- k) Dự kiến tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển không đúng;
- l) Cam đoan của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
- m) Số, ngày, tháng, năm và nội dung quyết định của Tòa án bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải (nếu có).

3. Trường hợp người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không biết chính xác đầy đủ các nội dung quy định tại các điểm đ, e và g khoản 2 Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

#### **Điều 51. Gửi đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo**

Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đang giải quyết vụ án.

#### **Điều 52. Nhận đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án đang giải quyết vụ án phải ghi vào sổ nhận đơn.
2. Trường hợp Tòa án đang giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 5 của Luật này thì đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo được xử lý như sau:
  - a) Giao ngay cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án nếu Tòa án nhận được đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo trước khi mở phiên tòa;
  - b) Giao ngay cho Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án nếu Tòa án nhận được đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo trong thời gian xét xử vụ án.

#### **Điều 53. Xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:
  - a) Thụ lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển nếu thấy có đủ điều kiện để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển, đồng thời yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và lệ phí bắt giữ tàu biển trong thời hạn do Tòa án ấn định mà không áp dụng thời hạn quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này. Khi người yêu cầu áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển xuất trình các biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính và đã nộp lệ phí bắt giữ tàu biển thì Thẩm phán ra ngay quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

b) Trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển nếu xét thấy không có đủ điều kiện để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển.

2. Sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng từ kèm theo, Hội đồng xét xử phải xem xét ngay và có một trong các quyết định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển, Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu; Hội đồng xét xử phải thông báo công khai quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển tại phiên tòa và phải ghi việc thông báo vào biên bản phiên tòa.

#### **Điều 54. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

d) Lý do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

đ) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

h) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu trần, người khai thác tàu;

i) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

k) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị.

#### **Điều 55. Căn cứ hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển bị hủy khi điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn hoặc theo đề nghị của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển.

#### **Điều 56. Yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Những người sau đây có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển:

- a) Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
- b) Chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng và những người khác có liên quan khi điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển không còn.

2. Đơn yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
- b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
- c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;
- d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;
- đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và Tòa án đã ra quyết định đó;
- e) Lý do yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển.

**Điều 57. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Người yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển phải gửi văn bản và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển đó.

2. Trường hợp Tòa án đang giải quyết vụ án nhận được đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển thì đơn yêu cầu được xử lý như sau:

- a) Giao ngay cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án nếu Tòa án nhận được đơn yêu cầu trước khi mở phiên tòa;
- b) Giao ngay cho Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án Tòa án nhận được đơn yêu cầu trong thời gian xét xử vụ án.

3. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán được phân công hoặc Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án phải xem xét và ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển nếu xét thấy có đủ căn cứ. Trường hợp trả lại đơn yêu cầu vì không có đủ căn cứ thì Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết về lý do của việc không chấp nhận văn bản yêu cầu.

**Điều 58. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển và Tòa án đã ra quyết định đó;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu, người khai thác tàu;

h) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

i) Lý do hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

k) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển có hiệu lực thi hành ngay.

### **Điều 59. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển trong trường hợp Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp**

Trong quá trình Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển. Thủ tục quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển được thực hiện theo quy định tại Chương này.

## **Mục 3. THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BIỂN, THẢ TÀU BIỂN ĐANG BỊ BẮT GIỮ ĐỂ THI HÀNH ÁN**

### **Điều 60. Quyền yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án**

Thông qua cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người được thi hành án theo pháp luật thi hành án dân sự của Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án.

### **Điều 61. Điều kiện bắt giữ tàu biển để thi hành án**

1. Khi có yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án theo quy định tại Điều 56 của Luật này, Tòa án quyết định bắt giữ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ tàu là người phải thi hành án về tài sản và vẫn là chủ tàu tại thời điểm bắt giữ tàu biển;

b) Người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyển hoặc người khai thác tàu là người phải thi hành án về tài sản trong vụ án dân sự phát sinh từ khiếu nại hàng hải quy định tại Điều 34 của Luật này và vẫn là người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyển, người khai thác tàu hoặc là chủ tàu tại thời điểm bắt giữ tàu biển;

c) Nghĩa vụ thi hành án về tài sản được bảo đảm bằng việc thế chấp tàu biển đó;

d) Nghĩa vụ thi hành án là việc phải trả lại tàu biển đó cho người được thi hành án.

2. Tòa án chỉ quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án khi cơ quan thi hành án dân sự không thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành án, trừ trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này hoặc người phải thi hành án ở nước ngoài và không có tài sản khác ở Việt Nam.

### **Điều 62. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án**

1. Người yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án phải làm đơn yêu cầu kèm theo bản sao bản án, quyết định của Tòa án hoặc bản sao quyết định của Trọng tài.

2. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nhận đơn yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển;

d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ, bên cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;

đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu trần, người khai thác tàu trong trường hợp đòi người thuê tàu, người khai thác tàu trả tiền;

h) Nghĩa vụ về tài sản phải thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc theo quyết định Trọng tài;

i) Lý do yêu cầu bắt giữ tàu biển;

k) Dự kiến tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do yêu cầu bắt giữ tàu biển không đúng.

3. Trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án không biết chính xác đầy đủ các nội dung quy định tại các điểm đ, e và g khoản 2 Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

### **Điều 63. Gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án và các tài liệu, chứng cứ kèm theo**

Người yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án để chuyển cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này.

### **Điều 64. Nhận đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, cơ quan thi hành án dân sự phải vào sổ nhận đơn và có văn bản chuyển đơn, các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này. Trong văn bản chuyển đơn cần nêu rõ lý do của việc không thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành án.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản chuyển đơn của cơ quan thi hành án dân sự kèm theo đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ, Tòa án phải ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết đơn.

### **Điều 65. Xem xét đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án**

1. Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

a) Thụ lý đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án nếu xét thấy có đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu biển, yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu

bắt giữ tàu biển và lệ phí bắt giữ tàu biển, trừ trường hợp không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính;

b) Trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án nếu xét thấy không đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu biển hoặc việc giải quyết đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án đó.

2. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền; cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu.

#### **Điều 66. Quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án**

1. Thẩm phán ra ngay quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án khi người yêu cầu xuất trình các biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu biển, trừ trường hợp không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính và đã nộp lệ phí bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này.

2. Quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án;

d) Lý do yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án;

đ) Tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án;

e) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ, bên cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;

g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;

h) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;

i) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu trần, người khai thác tàu;

k) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

l) Các quyết định của Tòa án.

3. Quyết định bắt giữ tàu biển để thi hành án có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

#### **Điều 67. Căn cứ thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Tàu biển đang bị bắt để thi hành án sẽ được thả ngay khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Sau khi chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu là người phải thi hành án đã thực hiện những biện pháp bảo đảm thay thế hoặc đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án;

b) Nghĩa vụ về tài sản của chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu đã có người khác bảo lãnh thực hiện thay, thư cam kết của tổ chức bảo hiểm có uy tín;

c) Theo yêu cầu của chính người đã yêu cầu bắt giữ tàu biển.

2. Biện pháp bảo đảm thay thế do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp không có sự thỏa thuận giữa các bên về mức độ và hình thức bảo đảm thay thế thì Tòa án quyết định mức độ và hình

thức bảo đảm thay thế, nhưng không được vượt quá giá trị tàu biển bị bắt giữ hoặc nghĩa vụ tài sản là căn cứ cho việc bắt giữ tàu biển trong trường hợp nghĩa vụ tài sản nhỏ hơn giá trị của tàu biển.

### **Điều 68. Yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật này, chủ tàu, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu, thuyền trưởng và những người khác có liên quan phải có đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án.
2. Đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ có các nội dung chính sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
  - b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
  - c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ;
  - d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;
  - đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định bắt giữ tàu biển và Tòa án đã ra quyết định đó;
  - e) Lý do yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ.

### **Điều 69. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án phải gửi văn bản và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định bắt giữ tàu biển đó.
2. Ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết việc thả tàu biển đang bị bắt giữ.
3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ nếu xét thấy có căn cứ. Trường hợp trả lại đơn vì không có căn cứ thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ biết, trong đó nêu rõ lý do của việc không chấp nhận yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ.

### **Điều 70. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án có các nội dung chính sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
  - b) Tên Tòa án ra quyết định;
  - c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ;
  - d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ được thả; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ được thả;
  - đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
  - e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu hoặc người khai thác tàu;
  - g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;
  - h) Lý do thả tàu biển đang bị bắt giữ;

i) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ để thi hành án có hiệu lực thi hành ngay và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

#### **Mục 4. THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BIỂN, THẢ TÀU BIỂN ĐANG BỊ BẮT GIỮ ĐỂ THỰC HIỆN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP**

##### **Mục 4.1. ỦY THÁC TƯ PHÁP CHO TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI BẮT GIỮ TÀU BIỂN**

###### **Điều 71. Thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án nước ngoài bắt giữ tàu biển**

1. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án hoặc giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài mà có yêu cầu giữ tàu biển thì Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại Điều 5 của Luật này thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án có thẩm quyền của nước ngoài bắt giữ tàu biển.

2. Tòa án Việt Nam ủy thác tư pháp cho Tòa án nước ngoài bắt giữ tàu biển theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại.

###### **Điều 72. Văn bản ủy thác tư pháp**

Văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển có các nội dung chính sau đây:

1. Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản ủy thác tư pháp;
2. Tên, địa chỉ của Tòa án Việt Nam ủy thác tư pháp;
3. Tên, địa chỉ của Tòa án nước ngoài thực hiện ủy thác tư pháp;
4. Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
6. Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu, người khai thác tàu;
7. Lý do của việc ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển;
8. Thời hạn bắt giữ tàu biển;
9. Người chịu trách nhiệm về tổn thất hoặc thiệt hại gây ra do yêu cầu bắt giữ tàu biển không đúng.

###### **Điều 73. Thủ tục ủy thác tư pháp về bắt giữ tàu biển**

1. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án có thẩm quyền của nước ngoài bắt giữ tàu biển phải lập hồ sơ ủy thác và gửi cho Bộ Tư pháp Việt Nam. Hồ sơ ủy thác tư pháp phải có các văn bản sau đây:

- a) Văn bản của Tòa án có thẩm quyền Việt Nam yêu cầu tương trợ tư pháp về bắt giữ tàu biển;
- b) Văn bản ủy thác tư pháp về bắt giữ tàu biển;
- c) Giấy tờ khác theo yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền của nước được ủy thác.

2. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp về bắt giữ tàu biển, Bộ Tư pháp vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho Tòa án có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì Bộ Tư pháp trả lại cho Tòa án đã lập hồ sơ và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án có thẩm quyền của nước ngoài thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, Bộ Tư pháp chuyển văn bản đó cho Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp về bắt giữ tàu biển.

#### **Mục 4.2. THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI BẮT GIỮ TÀU BIỂN**

##### **Điều 74. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

1. Tương trợ tư pháp về việc bắt giữ tàu biển giữa Tòa án Việt Nam và Tòa án nước ngoài được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2. Trong trường hợp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế có quy định tương trợ tư pháp về việc bắt giữ tàu biển thì tương trợ tư pháp về việc bắt giữ tàu biển có thể được Tòa án Việt Nam chấp nhận trên nguyên tắc có đi, có lại, nhưng không được trái pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

##### **Điều 75. Nguyên tắc thực hiện ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

1. Tòa án Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài về việc bắt giữ tàu biển theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại.

2. Tòa án Việt Nam không chấp nhận thực hiện việc ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài về việc bắt giữ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Việc thực hiện ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển xâm phạm đến chủ quyền của Việt Nam hoặc đe dọa đến an ninh của Việt Nam;

b) Việc thực hiện ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển không thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam.

##### **Điều 76. Thủ tục ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

1. Việc Tòa án nước ngoài ủy thác tư pháp cho Tòa án Việt Nam về việc bắt giữ tàu biển phải được lập thành văn bản và gửi đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Bộ Tư pháp Việt Nam nhận được văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển phải chuyển ngay cho Tòa án Việt Nam có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.

##### **Điều 77. Văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

Văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển có các nội dung chính sau đây:

1. Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản ủy thác tư pháp;

2. Tên, địa chỉ của Tòa án nước ngoài ủy thác tư pháp;

3. Tên, địa chỉ của Tòa án Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp;

4. Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
6. Tên và địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu, người khai thác tàu;
7. Lý do của việc ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển;
8. Thời hạn bắt giữ tàu biển;
9. Người chịu trách nhiệm về tổn thất hoặc thiệt hại gây ra do yêu cầu bắt giữ tàu biển không đúng.

#### **Điều 78. Nhận văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

1. Ngay sau khi nhận được văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Bộ Tư pháp Việt Nam phải vào sổ và có văn bản chuyển văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 5 của Luật này.
2. Ngay sau khi nhận được văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 5 của Luật này phải ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển.

#### **Điều 79. Xem xét văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển**

1. Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét và ra một trong các quyết định sau đây:
  - a) Thu lý văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển nếu xét thấy bảo đảm nguyên tắc tương trợ tư pháp và nguyên tắc thực hiện ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển;
  - b) Trả lại văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển nếu xét thấy vi phạm nguyên tắc tương trợ tư pháp hoặc nguyên tắc thực hiện ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển hoặc việc giải quyết văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển không thuộc thẩm quyền của Tòa án đó.
2. Trường hợp quyết định trả lại văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển, Tòa án phải gửi ngay quyết định đó cùng văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Bộ Tư pháp Việt Nam để thông báo cho Tòa án nước ngoài biết.

#### **Điều 80. Quyết định bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài**

1. Thẩm phán ra quyết định bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài ngay sau khi người yêu cầu bắt giữ tàu biển đã xuất trình biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu biển quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Luật này và đã nộp lệ phí bắt giữ tàu biển quy định tại Điều 7 của Luật này tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.
2. Quyết định bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài phải có các nội dung chính sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

- b) Tên Tòa án Việt Nam ra quyết định;
- c) Tên Tòa án nước ngoài ủy thác tư pháp;
- d) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài;
- đ) Lý do yêu cầu bắt giữ tàu biển;
- e) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển bị yêu cầu bắt giữ; bến cảng nơi tàu đang hoạt động hàng hải;
- g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;
- h) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
- i) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu, người khai thác tàu;
- k) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận văn bản ủy thác tư pháp về việc bắt giữ tàu biển;
- l) Các quyết định của Tòa án.

3. Quyết định bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị.

4. Tòa án phải giao hai bản quyết định bắt giữ tàu biển theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài cho Giám đốc Cảng vụ để thi hành theo quy định tại Điều 120 của Pháp lệnh này; gửi ngay quyết định đó cho Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát cùng cấp.

### **Điều 81. Căn cứ thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp**

Tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp sẽ được thả ngay khi có một trong các căn cứ sau đây:

- 1. Quyết định bắt giữ tàu biển bị hủy.
- 2. Thời hạn bắt giữ tàu biển theo quyết định của Tòa án đã hết.
- 3. Theo yêu cầu của Tòa án nước ngoài đã ủy thác bắt giữ tàu biển.

### **Điều 82. Yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp**

Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Pháp lệnh này, Tòa án nước ngoài phải có đơn yêu cầu thả tàu biển. Đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp có các nội dung chính sau đây:

- 1. Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản yêu cầu;
- 2. Tên, địa chỉ của Tòa án nước ngoài yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- 3. Tên Tòa án Việt Nam nhận văn bản yêu cầu;
- 4. Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển đang bị bắt giữ; bến cảng nơi tàu biển bị bắt giữ đang hoạt động hàng hải;
- 5. Số, ngày, tháng, năm của quyết định bắt giữ tàu biển và Tòa án đã ra quyết định đó;
- 6. Lý do yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ.

### **Điều 83. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp**

1. Tòa án nước ngoài gửi văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Bộ Tư pháp Việt Nam để Bộ Tư pháp chuyển cho Tòa án đã ra quyết định bắt giữ tàu biển đó.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết việc thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán được phân công giải quyết phải xem xét và ra quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ nếu xét thấy có căn cứ. Trường hợp trả lại đơn vì không có căn cứ thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ biết, trong đó nêu rõ lý do của việc không chấp nhận yêu cầu thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp.

#### **Điều 84. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp**

1. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án Việt Nam ra quyết định;
- c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- d) Tên, quốc tịch, số IMO, trọng tải và các đặc điểm khác của tàu biển được thả; bến cảng nơi tàu biển đang bị bắt giữ được thả;
- đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ tàu;
- e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người thuê tàu hoặc người khai thác tàu;
- g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của thuyền trưởng;
- h) Lý do thả tàu biển đang bị bắt giữ;
- i) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài có hiệu lực thi hành ngay.

3. Tòa án phải giao hai bản quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ theo ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài cho Giám đốc Cảng vụ để thi hành theo quy định tại Điều 120 của Pháp lệnh này; gửi ngay quyết định đó cho Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát cùng cấp.

### **Chương IV**

#### **THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BAY**

##### **Mục 1. THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BAY, THẢ TÀU BAY ĐANG BỊ BẮT GIỮ VÀ BẮT GIỮ LẠI TÀU BAY THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI CÓ QUYỀN, LỢI ÍCH ĐỐI VỚI TÀU BAY**

**Điều 85. Các trường hợp bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của chủ sở hữu tàu bay. Trường hợp tàu bay là tài sản của nhiều chủ sở hữu thì người yêu cầu bắt giữ tàu bay phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của chủ nợ trong trường hợp tàu bay là tài sản bảo đảm cho khoản nợ của chủ nợ và khoản nợ đó không được thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận.
3. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại do tàu bay đang bay gây ra và người bị thiệt hại chưa được bồi thường tại thời điểm yêu cầu bắt giữ. Tàu bay bị bắt giữ là tàu bay gây ra thiệt hại hoặc tàu bay thuộc sở hữu của người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
4. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người khác có quyền, lợi ích liên quan đối với tàu bay.

**Điều 86. Thời hạn bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Thời hạn bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay không quá 30 ngày, kể từ ngày tàu bay bị bắt giữ.
2. Trong thời hạn tàu bay bị bắt giữ theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay nếu người có quyền, lợi ích đối với tàu bay khởi kiện vụ án tại Tòa án hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp và tiếp tục có yêu cầu bắt giữ tàu bay thì thời hạn bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay chấm dứt khi Tòa án có quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay.

**Điều 87. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Người yêu cầu bắt giữ tàu bay phải làm đơn yêu cầu. Đơn yêu cầu phải có các nội dung sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
  - b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
  - c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu bay;
  - d) Cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay hạ cánh;
  - đ) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;
  - e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
  - g) Lý do yêu cầu bắt giữ tàu bay;
  - h) Dự kiến thiệt hại, chi phí có thể phát sinh do việc bắt giữ tàu bay;
  - i) Thời hạn yêu cầu bắt giữ tàu bay.
2. Trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu bay không biết chính xác, đầy đủ các nội dung quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

**Điều 88. Gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

Người yêu cầu bắt giữ tàu bay gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay kèm theo tài liệu, chứng cứ cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này.

Đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay có thể được gửi trước thời điểm tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp này, phải gửi kèm theo lịch trình bay.

**Điều 89. Nhận đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết đơn.

**Điều 90. Xem xét đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

- a) Thụ lý đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay nếu xét thấy có đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu bay, yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu bắt giữ tàu bay và nộp lệ phí bắt giữ tàu bay;
- b) Trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay nếu xét thấy không đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu bay hoặc việc giải quyết đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

2. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay, Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu bắt giữ tàu bay.

**Điều 91. Quyết định bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Thẩm phán ra ngay quyết định bắt giữ tàu bay khi người yêu cầu bắt giữ tàu bay đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính, đã nộp lệ phí bắt giữ tàu bay và tàu bay đã hạ cánh xuống cảng hàng không, sân bay.

2. Quyết định bắt giữ tàu bay phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu bay;
- d) Quyền, lợi ích đối với tàu bay làm phát sinh quyền yêu cầu Tòa án bắt giữ tàu bay;
- đ) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;
- e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
- g) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;
- h) Các quyết định của Tòa án;
- i) Thời hạn bắt giữ;
- k) Cảng vụ hàng không nơi tàu bay hạ cánh thực hiện việc bắt giữ tàu bay.

3. Quyết định bắt giữ tàu bay có hiệu lực thi hành ngay, kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

4. Trong trường hợp chưa thực hiện được việc bắt giữ tàu bay thì quyết định bắt giữ tàu bay có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành, trừ trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu bay đề nghị chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định này.

**Điều 92. Căn cứ thả tàu bay đang bị bắt giữ theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Tàu bay đang bị bắt giữ sẽ được thả ngay khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay hoặc người khai thác tàu bay đã thực hiện các biện pháp bảo đảm thay thế hoặc thực hiện xong nghĩa vụ về tài sản là căn cứ phát sinh yêu cầu bắt giữ tàu bay;

b) Nghĩa vụ về tài sản của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay hoặc người khai thác tàu bay đã có người khác bảo lãnh thực hiện thay hoặc có thư cam kết của tổ chức bảo hiểm có uy tín. Bộ Tài chính thông báo danh sách các tổ chức bảo hiểm có uy tín;

c) Theo yêu cầu của chính người đã yêu cầu bắt giữ tàu bay;

d) Quyết định bắt giữ tàu bay đã bị hủy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 60 và điểm b khoản 2 Điều 61 của Luật này;

đ) Thời hạn bắt giữ tàu bay theo quyết định của Tòa án đã hết.

2. Biện pháp bảo đảm thay thế do các bên thoả thuận. Trong trường hợp không có sự thoả thuận giữa các bên về mức độ và hình thức bảo đảm thay thế thì Tòa án quyết định mức độ và hình thức bảo đảm thay thế, nhưng không được vượt quá giá trị tàu bay bị bắt giữ hoặc nghĩa vụ tài sản là căn cứ cho việc bắt giữ tàu bay trong trường hợp nghĩa vụ tài sản nhỏ hơn giá trị của tàu bay.

**Điều 93. Yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 92 của Luật này, chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay, người đã yêu cầu bắt giữ tàu bay và những người có quyền và lợi ích đối với tàu bay có quyền yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ.

2. Đơn yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên Tòa án ra quyết định bắt giữ tàu bay;

c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ;

d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ; cảng hàng không, sân bay nơi thực hiện bắt giữ;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định bắt giữ tàu bay;

e) Lý do yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ.

**Điều 94. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ** 1. Người yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ phải gửi đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định bắt giữ tàu bay.

2. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu thả tàu bay, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết việc thả tàu bay.

3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu thả tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy có căn cứ thì Thẩm phán được phân công giải quyết việc thả tàu bay phải ra quyết định thả tàu bay; trường hợp trả lại đơn thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu thả tàu bay biết và nêu rõ lý do.

#### **Điều 95. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay đang bị bắt giữ**

1. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ;
- d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay được yêu cầu thả; cảng hàng không, sân bay nơi thực hiện thả tàu bay;
- đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
- e) Lý do để thả tàu bay đang bị bắt giữ;
- g) Các quyết định của Tòa án;
- h) Cảng vụ hàng không thực hiện thả tàu bay.

2. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ có hiệu lực thi hành ngay, kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

#### **Điều 96. Bắt giữ lại tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay**

1. Tàu bay bị bắt giữ đã được thả hoặc đã có biện pháp bảo đảm thay thế được thực hiện thì không thể bị bắt giữ lại trên cơ sở cùng một yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay đó, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Tổng giá trị bảo đảm thay thế đã nộp vẫn chưa đủ để thực hiện nghĩa vụ về tài sản;
- b) Người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài sản thay cho chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay hoặc người khai thác tàu bay không thực hiện hoặc không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài sản đã bảo lãnh.

2. Không coi là tàu bay được thả nếu không có quyết định thả tàu bay của Tòa án có thẩm quyền hoặc tàu bay trốn thoát khỏi nơi bắt giữ, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 92 của Luật này.

3. Thủ tục bắt giữ lại tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay được thực hiện theo thủ tục bắt giữ tàu bay quy định tại Chương này.

### **MỤC 2. THỦ TỤC ÁP DỤNG, HỦY BỎ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI BẮT GIỮ TÀU BAY**

#### **Điều 97. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Tòa án đang giải quyết vụ án đó áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được hoặc bảo đảm việc thi hành án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 98 của Pháp lệnh này.

### **Điều 98. Các trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

Khi có yêu cầu bắt giữ tàu bay theo quy định tại Điều 97 của Luật này, Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay trong các trường hợp sau đây:

1. Tàu bay đang bị bắt giữ theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay mà người yêu cầu bắt giữ tàu bay đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án;
2. Bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay theo quy định tại Điều 85 của Luật này.

### **Điều 99. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay phải làm đơn yêu cầu.
2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay có các nội dung chính sau đây:
  - a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
  - b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
  - c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu bay;
  - d) Cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay hạ cánh;
  - đ) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;
  - e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
  - g) Tranh chấp cụ thể đang giải quyết trong vụ án và giá trị tối đa của tranh chấp đó;
  - h) Lý do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;
  - i) Dự kiến tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay không đúng;
  - k) Cam đoan của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;
  - l) Số, ngày, tháng, năm và nội dung quyết định của Tòa án bắt giữ tàu bay theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích đối với tàu bay (nếu có).

3. Trường hợp người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không biết chính xác đầy đủ các nội dung quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

### **Điều 100. Gửi đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo**

Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay phải gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đang giải quyết vụ án.

### **Điều 101. Nhận đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án đang giải quyết vụ án phải ghi vào sổ nhận đơn.

2. Trường hợp Tòa án đang giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu bay quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này thì đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo được xử lý như sau:

a) Giao ngay cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án nếu Tòa án nhận được đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo trước khi mở phiên tòa;

b) Giao ngay cho Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án nếu Tòa án nhận được đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo trong thời gian xét xử vụ án.

### **Điều 102. Xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

1. Trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

a) Thụ lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay nếu thấy có đủ điều kiện để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay, đồng thời yêu cầu người nộp đơn thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và lệ phí bắt giữ tàu bay trong thời hạn do Tòa án ấn định mà không áp dụng thời hạn quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này. Khi người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay xuất trình các biên lai, chứng từ chứng minh họ đã thực hiện biện pháp bảo đảm tài chính và đã nộp lệ phí bắt giữ tàu bay thì Thẩm phán ra ngay quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

b) Trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay nếu xét thấy không có đủ điều kiện để ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay.

2. Sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng từ kèm theo, Hội đồng xét xử phải xem xét ngay và có một trong các quyết định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay, Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu; Hội đồng xét xử phải thông báo công khai quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay tại phiên tòa và phải ghi việc thông báo vào biên bản phiên tòa.

### **Điều 103. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

1. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

d) Lý do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

đ) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;

g) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

h) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay có hiệu lực thi hành ngay kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị.

#### **Điều 104. Căn cứ hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay bị hủy khi điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn hoặc theo đề nghị của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay.

#### **Điều 105. Yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

1. Những người sau đây có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay:

a) Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

b) Chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu và những người những người có quyền, lợi ích đối với tàu bay khi điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay không còn.

2. Đơn yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và Tòa án đã ra quyết định đó;

e) Lý do yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay.

#### **Điều 106. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay**

1. Người yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay phải gửi văn bản và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay đó.

2. Trường hợp Tòa án đang giải quyết vụ án nhận được đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay thì đơn yêu cầu được xử lý như sau:

a) Giao ngay cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án nếu Tòa án nhận được đơn yêu cầu trước khi mở phiên tòa;

b) Giao ngay cho Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án Tòa án nhận được đơn yêu cầu trong thời gian xét xử vụ án.

3. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán được phân công hoặc Hội đồng xét xử đang xét xử vụ án phải xem xét và ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay nếu xét thấy có đủ căn cứ. Trường hợp trả lại đơn yêu cầu vì không có đủ căn cứ thì Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết về lý do của việc không chấp nhận văn bản yêu cầu.

### **Điều 107. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển**

1. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay;

d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay và Tòa án đã ra quyết định đó;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;

g) Lý do hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

h) Các quyết định của Tòa án.

2. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay có hiệu lực thi hành ngay.

### **Điều 108. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay trong trường hợp Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp**

Trong quá trình Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay. Thủ tục quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay được thực hiện theo quy định tại Mục này.

### **Mục 3. THỦ TỤC BẮT GIỮ TÀU BAY, THẢ TÀU BAY ĐANG BỊ BẮT GIỮ ĐỂ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

#### **Điều 109. Quyền yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Luật này quyết định bắt giữ tàu bay để thi hành án.

2. Bắt giữ tàu bay để thi hành án theo quy định tại Pháp lệnh này là thực hiện việc kê biên đối với tàu bay quy định tại khoản 4 Điều 97 của Luật thi hành án dân sự. Tàu bay đã bị kê biên không được phép di chuyển khỏi cảng hàng không, sân bay.

### **Điều 110. Căn cứ bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Khi có yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án theo quy định tại Điều 109 của Luật này, Tòa án quyết định bắt giữ tàu bay trong các trường hợp sau đây:

- a) Thực hiện theo bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự;
- b) Người phải thi hành án về tài sản là chủ sở hữu tàu bay tại thời điểm yêu cầu bắt giữ;
- c) Nghĩa vụ thi hành án là việc phải bồi thường thiệt hại do tàu bay đó gây ra cho người được thi hành án.

2. Tòa án chỉ quyết định bắt giữ tàu bay để thi hành án khi cơ quan thi hành án dân sự không thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản khác hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành án, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc người phải thi hành án ở nước ngoài và không có tài sản khác ở Việt Nam.

3. Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bắt giữ tàu bay trong trường hợp người thi hành án chỉ có tài sản là tàu bay, tàu biển ở Việt Nam.

### **Điều 111. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Người yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án phải làm đơn yêu cầu kèm theo bản sao bản án, quyết định của Tòa án hoặc bản sao quyết định của Trọng tài.

2. Đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;
- b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nhận đơn yêu cầu;
- c) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;
- d) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu bay;
- đ) Cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay hạ cánh;
- e) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ;
- g) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
- h) Nghĩa vụ về tài sản phải thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc theo phán quyết của Trọng tài;
- i) Lý do yêu cầu bắt giữ tàu bay.

3. Trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án không biết chính xác, đầy đủ các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 của Điều này thì ghi những gì mà mình biết có liên quan đến những vấn đề đó.

### **Điều 112. Gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo để thi hành án**

Người yêu cầu bắt giữ tàu bay gửi đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay kèm theo tài liệu, chứng cứ cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để chuyển cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Luật này.

Đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay có thể được gửi trước thời điểm tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp này phải gửi kèm theo lịch trình bay.

#### **Điều 113. Nhận đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo, cơ quan thi hành án dân sự phải ghi vào sổ nhận đơn và có văn bản chuyển đơn, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu bay quy định tại Điều 5 của Luật này. Trong văn bản chuyển đơn, cơ quan thi hành án dân sự phải nêu rõ lý do không thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản khác hoặc biện pháp cưỡng chế khác để thi hành án.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản chuyển đơn của cơ quan thi hành án dân sự kèm theo đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay và tài liệu, chứng cứ, Tòa án phải ghi vào sổ nhận đơn. Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán giải quyết đơn.

#### **Điều 114. Xem xét đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được văn bản chuyển đơn, đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Thẩm phán phải xem xét đơn và ra một trong các quyết định sau đây:

a) Thụ lý đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay nếu xét thấy có đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu bay, yêu cầu người nộp đơn nộp lệ phí bắt giữ tàu bay;

b) Trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay nếu xét thấy không đủ điều kiện để ra quyết định bắt giữ tàu bay hoặc việc giải quyết đơn không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

2. Trường hợp quyết định trả lại đơn yêu cầu bắt giữ tàu bay để thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền; cấp hoặc gửi ngay quyết định đó cùng đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người yêu cầu bắt giữ tàu bay.

#### **Điều 115. Quyết định bắt giữ tàu bay để thi hành án**

1. Thẩm phán ra ngay quyết định bắt giữ tàu bay khi người yêu cầu đã nộp lệ phí bắt giữ tàu bay và tàu bay đã hạ cánh xuống cảng hàng không, sân bay.

2. Quyết định bắt giữ tàu bay phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nhận đơn yêu cầu;

c) Tên Tòa án nhận đơn yêu cầu;

d) Tên, địa chỉ và quốc tịch của người yêu cầu bắt giữ tàu bay;

đ) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ; cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay hạ cánh;

e) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;

g) Nghĩa vụ về tài sản phải thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc theo phán quyết của Trọng tài;

h) Nhận định của Tòa án và những căn cứ pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu;

i) Các quyết định của Tòa án.

3. Quyết định bắt giữ tàu bay có hiệu lực thi hành ngay, kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

4. Trong trường hợp chưa thực hiện được việc bắt giữ tàu bay thì quyết định bắt giữ tàu bay có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành, trừ trường hợp người yêu cầu bắt giữ tàu bay đề nghị chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định này.

#### **Điều 116. Căn cứ thả tàu bay đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

2. Người phải thi hành án đã thực hiện các biện pháp bảo đảm thay thế; nghĩa vụ về tài sản của người phải thi hành án đã có người khác bảo lãnh thực hiện thay. Trong các trường hợp này, phải được người được thi hành án chấp thuận.

3. Các căn cứ khác quy định tại Điều 105 của Luật thi hành án dân sự.

#### **Điều 117. Yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 116 của Luật này, chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay, người đã yêu cầu bắt giữ tàu bay và những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ.

2. Đơn yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu;

b) Tên Tòa án ra quyết định bắt giữ tàu bay;

c) Tên, địa chỉ của người yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ;

d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay bị yêu cầu bắt giữ; cảng hàng không, sân bay nơi thực hiện bắt giữ;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định bắt giữ tàu bay;

e) Lý do yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ.

#### **Điều 118. Thủ tục giải quyết đơn yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ**

1. Người yêu cầu thả tàu bay đang bị bắt giữ phải gửi đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án đã ra quyết định bắt giữ tàu bay.

2. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu thả tàu bay, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết việc thả tàu bay.

3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu thả tàu bay và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy có căn cứ thì Thẩm phán được phân công giải quyết việc thả tàu bay phải ra quyết định thả tàu bay; trường hợp trả lại đơn thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu thả tàu bay biết và nêu rõ lý do.

#### **Điều 119. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ để thi hành án**

1. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

- c) Căn cứ pháp luật để Tòa án ra quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ;
  - d) Quốc tịch, số hiệu đăng ký, kiểu loại tàu bay và các đặc điểm khác nếu có của tàu bay được yêu cầu thả;
  - đ) Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay;
  - e) Lý do để thả tàu bay đang bị bắt giữ;
  - g) Các quyết định của Tòa án;
  - h) Cảng vụ hàng không nơi tàu bay bị bắt giữ thực hiện thả tàu bay.
2. Quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ có hiệu lực thi hành ngay, kể cả trong trường hợp có khiếu nại, kiến nghị và được gửi theo quy định tại Điều 120 của Luật này.

## **Chương V**

### **CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THI HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **Điều 120. Về cấp, tổng đạt các quyết định của Tòa án**

1. Ngay sau khi ra các quyết định quy định tại các điều 30, 33, 44, 46, 57, 58, 66, 70, 80, 84, 91, 95, 103, 107, 115 và 119 của Luật này, Chánh án Tòa án phải phân công một cán bộ Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các quyết định đó theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này.
2. Trong thời hạn mười hai giờ kể từ thời điểm ra quyết định, cán bộ Tòa án phải thực hiện việc giao các quyết định của Tòa án như sau:
  - a) Đến cảng giao hai bản quyết định bắt giữ tàu biển hoặc thả tàu biển đang bị bắt giữ cho Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Giám đốc Cảng thủy nội địa (sau đây gọi là Giám đốc Cảng vụ) nơi tàu biển đang hoạt động hàng hải bị yêu cầu bắt giữ.
  - b) Đến cảng hàng không, sân bay giao quyết định bắt giữ tàu bay hoặc thả tàu bay cho Giám đốc cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không nơi tàu bay bị yêu cầu bắt giữ.
  - c) Đến cơ quan thi hành án dân sự giao hai bản quyết định áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.
3. Trường hợp cán bộ Tòa án không thể thực hiện việc giao các quyết định trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì các quyết định đó có thể được gửi qua fax hoặc thư điện tử (e-mail) theo quy định của pháp luật.
4. Tòa án phải cấp hoặc gửi ngay quyết định quy định tại Điều 30 và 33 của Luật này cho người yêu cầu, người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp.
5. Các quyết định quy định tại các điều 44, 46, 57, 58, 66 và 70 của Luật này được gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp; người yêu cầu; Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao Việt Nam trong trường hợp tài sản có yếu tố nước ngoài.
6. Các quyết định quy định tại các điều 80 và 84 của Luật này thì được gửi cho Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát cùng cấp.
7. Các quyết định quy định tại các điều 91, 95, 103, 107, 115 và 119 của Luật này được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, người yêu cầu bắt giữ tàu bay, người yêu cầu thả tàu bay, chủ sở hữu tàu

bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay, hãng hàng không liên quan; Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao Việt Nam trong trường hợp tài sản có yếu tố nước ngoài.

### **Điều 121. Thi hành các quyết định của Tòa án**

1. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm thi hành ngay quyết định áp dụng hoặc hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện và giao cho người bị áp dụng một bản để thi hành.

2. Giám đốc Cảng vụ thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển hoặc quyết định thả tàu biển đang bị bắt giữ theo quy định của pháp luật và giao cho thuyền trưởng một bản để thi hành.

Các cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, an ninh, kiểm dịch, hải quan, thuế, văn hóa - thông tin, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước khác có trách nhiệm phối hợp thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển khi có yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và chịu sự điều hành trong việc phối hợp thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển của Giám đốc Cảng vụ. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có trách nhiệm phối hợp thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển khi có yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ.

3. Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không thực hiện quyết định bắt giữ tàu bay hoặc quyết định thả tàu bay đang bị bắt giữ theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm phối hợp thực hiện quyết định bắt giữ tàu bay khi có yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không.

Trường hợp thời hạn bắt giữ tàu bay theo quyết định của Tòa án đã hết hoặc quyết định bắt giữ tàu bay bị hủy, Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không phải thực hiện quyết định thả tàu bay.

4. Trong thời gian tàu biển, tàu bay bị bắt giữ, chủ sở hữu tàu biển, tàu bay, người thuê tàu biển, tàu bay, người khai thác tàu biển, tàu bay có trách nhiệm duy trì hoạt động của tàu biển, tàu bay, thanh toán các chi phí phát sinh tại cảng, cảng hàng không, sân bay. Người vận chuyển, người khai thác tàu biển, tàu bay vẫn phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết.

Giám đốc Cảng vụ, Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không cho phép tàu biển, tàu bay rời cảng, cảng hàng không, sân bay sau khi các chi phí phát sinh liên quan đến việc bắt giữ tàu biển, tàu bay đã được thanh toán.

5. Chính phủ quy định việc thực hiện quyết định của Tòa án quy định tại Điều này, việc xử lý đối với tàu biển, tàu bay trong trường hợp chủ tàu biển, tàu bay bỏ tàu, bán đấu giá tàu biển, tàu bay đang bị bắt giữ.

### **Điều 122. Thông báo việc thực hiện quyết định của Tòa án**

1. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm thông báo cho Tòa án biết việc thực hiện quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

2. Giám đốc Cảng vụ, Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tòa án, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục hàng không Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại cảng, sân bay biết về việc thực hiện quyết định của Tòa án; trong trường hợp bắt giữ tàu biển, tàu bay để thi hành án thì thông báo ngay cho cơ quan thi hành án dân sự biết để cơ quan này thực hiện việc thi hành án dân sự.

3. Thuyền trưởng, cơ trưởng có trách nhiệm thông báo cho chủ tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu và những người có lợi ích liên quan biết về việc tàu biển, tàu bay bị bắt giữ hoặc được thả.

## **Chương VI**

### **KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ**

**Điều 123. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; đơn yêu cầu bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay**

1. Người yêu cầu áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay có quyền khiếu nại, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền có quyền kiến nghị trong trường hợp bắt giữ tàu biển, tàu bay để thi hành án bằng văn bản với Chánh án Tòa án đối với quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; đơn yêu cầu bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được quyết định.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản khiếu nại, kiến nghị và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Chánh án Tòa án phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) Giữ nguyên quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; đơn yêu cầu bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay;

b) Hủy quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; đơn yêu cầu bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay và nhận lại đơn yêu cầu cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo để giải quyết.

3. Sau khi nhận được thông báo công khai quyết định trả lại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển tại phiên tòa, người yêu cầu có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Hội đồng xét xử đối với quyết định đó và phải ghi vào biên bản phiên tòa. Hội đồng xét xử phải giải quyết ngay khiếu nại, kiến nghị và ra một trong các quyết định quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án, quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Hội đồng xét xử là quyết định cuối cùng.

**Điều 124. Người có quyền khiếu nại quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay**

1. Người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện có quyền khiếu nại về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

2. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, người yêu cầu hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị về quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.

3. Thuyền trưởng, chủ tàu, người thuê tàu trần, người khai thác tàu, người phải thi hành án có quyền khiếu nại về quyết định bắt giữ, thả tàu biển hoặc không bắt giữ, thả tàu biển Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị về quyết định bắt giữ tàu biển

Chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay, người khai thác tàu bay, người phải thi hành án có quyền khiếu nại,

Người yêu cầu bắt giữ tàu biển, tàu bay có quyền khiếu nại quyết định thả tàu biển, tàu bay.

**Điều 125. Khiếu nại, kiến nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay**

1. Người có quyền khiếu nại quy định tại Điều 124 của Luật này có quyền khiếu nại bằng văn bản với Chánh án Tòa án về quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay. Thời hạn khiếu nại là 48 kể từ thời điểm người có quyền khiếu nại nhận được quyết định của Tòa án.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị bằng văn bản với Chánh án Tòa án về quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay. Thời hạn kiến nghị là 48 giờ kể từ thời điểm Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định của Tòa án.

2. Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, bắt giữ tàu biển, tàu bay, Chánh án Tòa án phải xem xét, giải quyết và ra một trong các quyết định sau đây:

a) Giữ nguyên quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay;

b) Hủy quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; quyết định bắt giữ, thả tàu biển, tàu bay.

3. Tại phiên tòa, việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết và ra một trong các quyết định quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án hoặc Hội đồng xét xử là quyết định cuối cùng.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 126. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Chương VI Bộ luật hàng hải số 95/2015/QH13, Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển số 05/2008/UBTVQH12, Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu bay số 11/2010/UBTVQH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

**Điều 127. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.